

Số: **220/2023/QĐST-HNGĐ**

T H, ngày 08 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN T H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 161/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **. H Ngọc H, sinh năm 1986; ĐKKHKT: . . A, phường Y, quận T H, TP Hà Nội; Hiện trú tại: 08 hẻm 99 ngách 50, ngõ 310 Nghi Tàm, phường Y P, quận T H, TP Hà Nội.**

- **Chị Nguyễn Kim D, sinh năm 1986; ĐKKHKT: . . A, phường Y P, quận T H, TP Hà Nội; Hiện trú tại: . An Dương, phường Y P, quận T H, TP Hà Nội.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Kim D và . H Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 19/10/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Y P, quận T H, TP Hà Nội, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

., chị cùng xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm, lối sống và cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ., chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] **Về con chung:** ., chị có 02 con chung là H Hiền ., sinh ngày 01/01/2011 và H Chí B, sinh ngày 31/7/2012.

., chị thỏa thuận: Sau khi ly hôn giao chị D trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, . H tự nguyện cấp nuôi con chung mỗi con chung 3.500.000đồng/tháng, từ tháng 8/2023 đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. . H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Thỏa thuận của ., chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận

[3] **Về tài sản, nhà đất, công nợ chung:** ., chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] **Về các vấn đề khác:** Không có.

[5]. **Về lệ phí Tòa án:** . H tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kim D và . H Ngọc H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: ., chị có 02 con chung là H Hiền ., sinh ngày 01/01/2011 và H Chí B, sinh ngày 31/7/2012.

Giao chị Nguyễn Kim D trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung H Hiền . và H Chí B đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

. H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng/tháng*), từ tháng 8 năm 2023 đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

. H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản, nhà đất, công nợ chung:** ., chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- **Về các vấn đề khác:** Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: . H Ngọc H tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0033256 ngày 21/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận T H;
- CCTHADS quận T H;
- UBND phường Y P,
- quận T H, Hà Nội (số 149 quyển số 1);
- Lưu HS/VP.

THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

Số:/...../QĐST-HNGĐ⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ⁽³⁾..... Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ⁽⁴⁾..... Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số...../...../TLST-HNGĐ⁽⁵⁾ ngày tháng năm..... về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*⁽⁶⁾.....

.....

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*⁽⁷⁾.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽⁸⁾

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

.....

- Về con chung:

.....

- Về tài sản chung:

.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....

2. Về lệ phí Tòa án:

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: H sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].